

Một số ý kiến trong NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG NĂM 1980 — 1981

NGUYỄN MINH TÂN

NĂM 1979, tuy phải tiến hành trong những điều kiện khó khăn, do hậu quả thiên tai nặng nề ở cả hai miền nam — bắc năm 1978 để lại, và chiến tranh xâm lược của bọn cầm quyền phản động Bắc Kinh gây nên vào đầu năm 1979, những hoạt động khoa học kỹ thuật (KHKT) ở các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương đã có chuyển biến tốt, công tác KHKT được tập trung phục vụ nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư, nghiệp của địa phương và đã thu được một số kết quả.

Công tác nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đã góp phần giải quyết một số yêu cầu về thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất trồng trọt và chăn nuôi; về nguyên liệu, máy móc, phụ tùng thay thế; về bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Công tác quản lý kỹ thuật nhiều nơi được tăng cường một bước trong sản xuất cũng như trong lưu thông, phân phối.

Việc xây dựng tiềm lực khoa học kỹ thuật của địa phương bắt đầu được chú ý.

Đi đôi với việc xây dựng, kiện toàn Hội đồng KHKT và Phòng quản lý KHKT của các sở, ty, các Ban KHKT tỉnh, thành phố được tăng cường tổ chức và hoạt động có tiến bộ.

Tuy nhiên tình hình sản xuất của các địa phương còn nhiều khó khăn và hoạt động KHKT cũng còn mặt yếu, kém. Việc đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, việc nhân các điển hình tiên tiến vẫn chậm, vẫn gặp khó khăn. Trong nông nghiệp, trình độ thâm canh lúa, nhất là hoa màu và cây công nghiệp, còn thấp. Năng suất bình quân lúa ở miền bắc giảm so với năm 1974. Năng suất bình quân nhiều loại hoa màu và cây công nghiệp còn

thấp, hoặc có phần giảm sút. Chăn nuôi chậm phát triển, nhiều nơi giảm sút. Trong công nghiệp, trình độ công nghệ từ đúc, gia công cơ khí đến nhiệt luyện đều còn yếu, nhất là nhiệt luyện. Sản phẩm công nghiệp, hàng tiêu dùng cũng như sản phẩm cơ khí, số lượng không đủ dùng, chất lượng phần nhiều còn thấp.

Dưới đây chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến một số nội dung và tinh thần trong nhiệm vụ công tác KHKT địa phương của các năm 1980 — 1981.

Nhiệm vụ công tác KHKT 1980 — 1981 của các địa phương, theo phương hướng của Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 6 là:

— Điều tra nắm chắc các điều kiện và tài nguyên thiên nhiên, nắm chắc tiềm lực kinh tế và KHKT của địa phương để có cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế và kế hoạch KHKT 5 năm 1981 — 1985.

— Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, góp phần giải quyết lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng cho nhân dân; nguyên liệu, máy móc, phụ tùng cho công nghiệp và thêm nguồn hàng xuất khẩu.

— Tăng cường quản lý kỹ thuật từ tỉnh, thành phố đến cơ sở, chú ý đầy đủ các mặt quản lý thiết bị, vật tư, công nghệ, chất lượng sản phẩm, chú ý xây dựng nề nếp quản lý kỹ thuật ở cơ sở.

— Xây dựng và củng cố các cơ sở KHKT và các cơ quan quản lý KHKT, bồi dưỡng sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ KHKT nhằm xây dựng tiềm lực KHKT của địa phương.

Dưới đây là một số phương hướng công tác cụ thể năm 1980 — 1981 của các địa phương:

I. NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KỸ THUẬT TIẾN BỘ

I. Nông nghiệp.

a) Về thâm canh lúa.

Áp dụng đồng bộ các kỹ thuật tiến bộ để đưa năng suất lúa của các vùng lãnh thổ đều tăng, đưa sản lượng lúa đạt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

— Áp dụng các giống lúa mới có năng suất cao, phẩm chất tốt đã được Bộ nông nghiệp công nhận. Xây dựng và thực hiện tốt quy trình sản xuất giống, bảo đảm đủ số lượng và đúng tiêu chuẩn chất lượng giống, khắc phục hiện tượng lẫn giống, giống xấu.

— Áp dụng các biện pháp tăng nguồn phân bón và sử dụng phân bón có hiệu quả cao. Từng địa phương phấn đấu nâng cao chỉ tiêu đầu lợn nuôi trên 1 ha gieo trồng và tự túc được giống cây phân xanh. Nghiên cứu cách bón phân hữu cơ phối hợp với phân hóa học như thế nào cho có hiệu quả.

— Áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng, trừ sâu bệnh, nhất là bộ rầy nâu và bệnh đạo ôn. Làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, dự tính dự báo sâu bệnh. Mở rộng diện thực nghiệm trừ sâu bằng biện pháp sinh học.

— Ở đồng bằng sông Cửu Long, tiếp tục nghiên cứu xác định chế độ luân canh, tăng vụ, xác định giống và thời vụ cho từng vùng.

b) Về thâm canh màu.

— Ngoài khâu giống, cần coi trọng các khâu bảo đảm thời vụ, bảo đảm phân bón ở đồng bằng, và chống xói mòn ở trung du, miền núi.

— Sử dụng các giống ngô mới, năng suất cao đã được xác định.

Ngoài mở rộng diện tích trồng khoai tây vụ đông, có thể trồng thêm vụ xuân để vừa có thêm lương thực, thực phẩm, vừa có thêm giống cho vụ đông. Tiếp tục thực nghiệm kỹ thuật nhân giống, bảo quản giống.

— Thực hiện trồng xen cây họ Đậu với sắn.

— Nghiên cứu lựa chọn những giống cây màu ngắn ngày, năng suất cao, thuận lợi cho việc tăng vụ trên đất 2 vụ lúa. Nghiên cứu tập đoàn cây vụ đông hoặc vụ xuân thích hợp với miền núi phía bắc để phát triển trồng trên đất 1 vụ mùa. Đúc rút kinh nghiệm phát triển hoa màu vụ đông xuân trên đất 1 vụ mùa dài ngày ở các tỉnh phía nam.

c) Về thâm canh cây công nghiệp.

— Áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh đưa năng suất cao su, cà phê, chè, cam, dừa đạt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

— Mở rộng diện áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất tơ tằm. Đẩy mạnh trồng dâu dổi, trồng xen với cây họ Đậu.

— Chọn giống cây ngắn ngày, năng suất cao, phẩm chất tốt để thực hiện công thức luân canh 3 vụ trên đất trồng cây ở đồng bằng sông Hồng. Tiếp tục thực nghiệm trồng loại cây rừng ở vùng đồi trung du.

— Phát triển trồng các loại cây phủ đất như cỏ stylo, đậu Hồng Đào ở vùng mới khai hoang, vùng cây công nghiệp đất đồi, trồng xen hoặc luân canh những loại đỗ, đậu thích hợp.

d) Về công tác thủy lợi.

— Căn điều tra nghiên cứu đầy đủ để hoàn chỉnh quy hoạch thủy lợi của địa phương có căn cứ vững chắc; kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp và thủy lợi.

— Quản lý, khai thác tốt hệ thống thủy nông đã có, xây dựng thêm một số công trình trong phạm vi khoanh để chủ động nước cho từng thửa. Ở đồng bằng sông Cửu Long, trước mắt cần tiếp tục nạo vét kênh rạch, xây dựng những công trình vừa và nhỏ, khoanh vùng giữ nước ngọt, ngăn mặn đi đôi với khai chua, rửa phèn, phòng úng. Xây dựng một số công trình để tưới cho các vùng bãi ven sông và các vùng chuyên canh cây công nghiệp.

— Tích cực thực hiện tưới, tiêu khoa học cho một số cây lương thực, thực phẩm chủ yếu như lúa, ngô, khoai tây, rau ở những vùng đã hoàn chỉnh thủy nông.

đ) Về chăn nuôi

— Áp dụng đồng bộ những kỹ thuật tiến bộ đã được xác định vào chăn nuôi lợn, phấn đấu đưa chỉ tiêu đầu lợn nuôi trên 1 ha gieo trồng và chỉ tiêu trọng lượng xuất chuồng lên một mức đáng kể. Chú ý thực hiện tốt quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng lợn nái và lợn đực giống.

— Áp dụng những kỹ thuật tiến bộ đã được xác định vào chăn nuôi trâu bò. Phát triển nuôi giống trâu Mura x Việt Nam, giống bò lai Hà x Ấn. Thâm canh các giống cỏ tốt, chế biến bột cỏ khô, xây dựng đồng cỏ chăn thả luân phiên.

— Phát triển nuôi các giống gà lai Rốt x Ri, vịt lai Anh Đào x Cỏ, vịt ngoại x Bầu. Sử dụng các vắc xin Niucatxon hệ I và Laxola cho gà, vắc xin dịch tả vịt trên quy mô toàn huyện, toàn tỉnh.

2. Lâm nghiệp

— Áp dụng rộng rãi các kỹ thuật tiến bộ đã được xác định về trồng rừng, về khai thác, chế biến và bảo quản lâm sản.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển những cây phủ xanh đồi trọc nhanh, hiệu quả kinh tế cao; những công thức nông lâm kết hợp tốt. Nghiên cứu khôi phục rừng nước mắm ở một số tỉnh, thành phố phía nam.

- Mở rộng diện nuôi thả cá cảnh kiến đồ.

3. Ngư nghiệp

- Mở rộng việc áp dụng kỹ thuật tiến bộ về khai thác hải sản như kỹ thuật đánh tôm bằng lưới cải tiến, đánh cá bằng lưới vây, lưới rê kết hợp với ánh sáng, về bảo quản và chế biến hải sản như bảo quản tôm trong thùng cách nhiệt bằng nước đá và hóa chất, sản xuất nước mắm ngăn ngày bằng phương pháp gia nhiệt.

- Áp dụng kỹ thuật nuôi tôm, cá và trồng rong câu chỉ vàng ở đầm nước lợ.

- Phát triển phong trào « Ao cá Bắc Hồ » trên cơ sở áp dụng các kỹ thuật tiến bộ về nuôi cá đã được xác định.

4. Công nghiệp

a) Về chế biến lương thực, thực phẩm: sử dụng rộng rãi các công cụ dưới sản, nạo sản; các thiết bị sản xuất bột và tinh bột ngô, khoai sắn, sản xuất nha, sản xuất sợi mì màu...; áp dụng rộng rãi kỹ thuật sản xuất mì ăn liền, bánh lương khô; kỹ thuật sản xuất các loại rượu, nước giải khát từ hoa màu, rau quả địa phương; kỹ thuật sản xuất nước chấm, mì chính bằng phương pháp vi sinh vật, cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng tôm đông lạnh, rau quả hộp xuất khẩu.

b) Về sản xuất hàng tiêu dùng: áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất những hàng tiêu dùng thiết yếu như xà phòng, bột giặt, thuốc đánh răng, giấy, đồ sành sứ thủy tinh v.v... và những nguyên vật liệu, thiết bị dụng cụ làm ra các sản phẩm đó. Cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng các mặt hàng tiêu dùng đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao như xe đạp, đồng hồ, quạt điện, máy khâu, v.v... Và các mặt hàng xuất khẩu như dây vải, dép lốp, dép nhựa, sản xuất thủ thuốc nhuộm, thuốc hồ vải. Nghiên cứu công nghệ chế tạo cao su chịu dầu, chịu axit, chịu nhiệt để làm dụng cụ bảo hộ lao động.

c) Về sản xuất vật tư, máy móc nông nghiệp: đưa vào sản xuất và sử dụng các mẫu máy đã được Bộ nông nghiệp công nhận và thích hợp với yêu cầu của địa phương. Thí điểm trang bị cơ khí cho trại nuôi lợn cỡ 1000-2000 con. Sản xuất thủ phân khoáng hữu cơ từ than bùn, thuốc trừ sâu, chất kích thích sinh trưởng cây trồng, vật nuôi v.v...

d) Về sửa chữa và chế tạo máy: phổ biến áp dụng rộng rãi những kỹ thuật phục hồi chi tiết mòn hỏng, công nghệ chế tạo phụ tùng thay thế trước hết cho máy nổ, máy kéo, máy thi

công... Cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ công nghệ đúc, gia công cơ khí, nhiệt luyện để nâng cao một bước chất lượng các sản phẩm cơ khí địa phương. Cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất một số máy công cụ, máy nông nghiệp và công nghiệp nhẹ theo sự phân công của bộ chủ quản. Thiết kế chế thử một số máy móc chuyên dùng. Sản xuất thủ động cơ điện cỡ nhỏ. Tiếp tục nghiên cứu và bước đầu áp dụng khai thác khí sinh vật.

5. Giao thông vận tải và xây dựng cơ bản

- Áp dụng các kết cấu và phương pháp công nghệ mới để tiết kiệm sắt thép trong giao thông và xây dựng cơ bản như sử dụng dầm, cầu định hình bằng bê tông dự ứng lực, kéo nguội cốt thép, hàn đối đầu cốt thép và sử dụng xi măng lưới thép trong sản xuất tàu, thuyền.

- Xây dựng dây chuyền sản xuất mỗi năm 7 triệu viên gạch không nung.

- Sử dụng các chất phụ gia hóa dẻo và cát mịn trong sản xuất bê tông và làm vữa để tiết kiệm xi măng và thay thế cát vàng.

- Nghiên cứu cấp pha bằng, sắt thép định hình.

- Áp dụng các mẫu nhà ở đã được đánh giá tốt tại các vùng nông thôn, vùng núi, vùng kinh tế mới.

6. Bảo vệ sức khỏe

- Đẩy mạnh phong trào và phổ biến áp dụng rộng rãi trong nhân dân các biện pháp vệ sinh phòng bệnh và sinh đẻ có kế hoạch. Phổ biến các biện pháp phòng, chữa và cố gắng chuẩn bị tương đối đủ thuốc phòng, chữa một số dịch bệnh nguy hiểm như sốt xuất huyết, dịch tả, sốt rét, lao...; sưu tầm kinh nghiệm và nghiên cứu sử dụng thuốc nam trong cấp cứu và điều trị vết thương.

- Phát triển trồng cây thuốc ở các nông, lâm trường và hợp tác xã nông, lâm nghiệp. Có kế hoạch trồng tập trung một số cây thuốc quý ở những nơi có điều kiện khí hậu, đất thích hợp.

- Cố gắng sản xuất các trang bị, phương tiện bảo vệ an toàn lao động cho công nhân và nông dân làm những công việc tiếp xúc hàng ngày với các chất độc hại.

- Xây dựng và thực hiện chương trình cải tiến bữa ăn bằng sản phẩm địa phương.

7. Ngoài việc nghiên cứu áp dụng những kỹ thuật tiến bộ như trên, các tỉnh có liên quan cần tích cực tham gia thực hiện các chương trình, điều tra tổng hợp Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển ven bờ từ Thuận Hải đến Minh Hải và khai thác, sử dụng các kết quả điều tra vào việc nghiên cứu xây dựng quỹ hoạch, kế hoạch phát triển kinh

tế địa phương. Các tỉnh, thành phố không thuộc 4 vùng lãnh thổ kể trên cũng cần tiến hành những công tác điều tra cơ bản cần thiết để có đủ căn cứ khoa học cho việc xác định phương hướng sản xuất, quy hoạch, kế hoạch sản xuất và biện pháp kỹ thuật sản xuất của các ngành các cấp trong tỉnh.

II. QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Mục tiêu của nhiệm vụ quản lý kỹ thuật là xây dựng một bước nền nếp quản lý kỹ thuật từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm chất lượng những sản phẩm chủ yếu của địa phương, chú trọng những sản phẩm xuất khẩu, tư liệu sản xuất, nhất là tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp và những sản phẩm tiêu dùng thiết yếu.

1) Tập trung quản lý chất lượng những sản phẩm chủ yếu sau đây:

- Vật tư nông nghiệp như hạt giống lúa nước, giống lợn, thức ăn gia súc, phân hóa học các loại.

- Công cụ và máy móc nông nghiệp như cuốc bừa, xẻng, xe kéo tay 250, thiết bị kèm theo máy kéo, máy bơm, máy đập lúa, máy nghiền thức ăn gia súc.

- Hàng tiêu dùng như xe đạp và các phụ tùng chủ yếu; quạt điện, máy khâu, vải sợi và phòng và thuốc đánh răng.

- Lương thực thực phẩm như gạo, bánh mì, mì sợi, nước mắm, nước chấm, rượu và nước giải khát.

- Vật liệu xây dựng như gạch, ngói nung, xi măng.

- Hàng xuất khẩu như hàng may mặc, giày vải tơ tằm, thảm len, đồ hộp, ván sàn, hải sản...

- Dụng cụ đo lường và thí nghiệm như cân bàn, cân treo, cân đồng hồ, quả cân; dụng cụ thủy tinh.

- Máy công cụ và máy chuyên dùng do bộ chủ quản phân công sản xuất.

- Dược phẩm.

2) Tiến hành xây dựng tiêu chuẩn địa phương, tiêu chuẩn xí nghiệp cho những sản phẩm chủ yếu nào chưa có tiêu chuẩn Nhà nước hoặc tiêu chuẩn ngành để làm cơ sở cho quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm.

3) Phân đầu kiểm định được khoảng 50-60% số dụng cụ đo lường đang dùng ở địa phương. Đây mạnh sản xuất những dụng cụ đo lường thông dụng như thước cặp, thước lá, cân treo, cân bàn, cân đồng hồ v.v..., tổ chức mạng lưới sửa chữa dụng cụ đo lường ở địa phương.

4) Tích cực xây dựng nề nếp quản lý kỹ thuật, trong đó có quản lý 3 mặt công tác: đo lường, tiêu chuẩn và kiểm tra chất lượng. Các tỉnh nên chọn đưa vào diện chỉ đạo xây dựng nề nếp quản lý kỹ thuật mỗi tỉnh 2-3 xí nghiệp công nghiệp và 2-3 hợp tác xã nông nghiệp. Cần tăng cường quản lý kỹ thuật trong nông

ng nghiệp cũng như trong công nghiệp; bảo đảm cho những chủ trương, biện pháp kỹ thuật cũng như những tiêu chuẩn, định mức, quy trình kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp được thực hiện nghiêm chỉnh; bảo đảm cung cấp vật tư kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp được kịp thời, đúng chất lượng, số lượng đã định.

III. XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT

1) Các địa phương cần xúc tiến công tác điều tra, đánh giá tình hình đội ngũ cán bộ KHKT và hệ thống cơ sở KHKT của địa phương để kịp lập kế hoạch xây dựng tiềm lực KHKT của địa phương nhân dịp xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ ba 1981-1985.

2) Bố trí sử dụng cán bộ KHKT cho đúng ngành nghề, đúng sở trường. Tăng cường cán bộ KHKT cho cơ sở. Bố trí, bồi dưỡng cho mỗi hợp tác xã nông nghiệp một trưởng tiêu bản khoa học kỹ thuật có năng lực, cố gắng thu hút những cán bộ kỹ thuật hiện có vào các hoạt động KHKT của hợp tác xã.

Có kế hoạch nâng dần từng bước trình độ KHKT của cán bộ các ngành, các cấp; có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chuyên sâu về từng đối tượng sản xuất, từng nhóm sản phẩm, cán bộ có khả năng chủ trì tổ chức, chỉ đạo thực hiện từng vấn đề, từng chương trình KHKT; có kế hoạch tích cực bồi dưỡng đào tạo cán bộ KHKT người dân tộc.

3) Cần mau chóng xây dựng và củng cố các trạm, trại ở tỉnh, ở huyện và có tổ, đội chuyên trách ở hợp tác xã: mau chóng xây dựng và củng cố các tổ chức điều tra quy hoạch, thiết kế, nghiên cứu, sản xuất thử, phân tích nông hóa, hóa được của các ngành và các phòng kiểm định đo lường, kiểm nghiệm chất lượng, thông tin và tư liệu KHKT của các ban KHKT.

Trong việc xây dựng và củng cố hệ thống cơ sở KHKT của địa phương, cần coi trọng đồng thời cả 2 khâu: cán bộ, trước hết là cán bộ phụ trách, và điều kiện vật chất - kỹ thuật tối thiểu cần thiết cho cơ sở hoạt động có kết quả mong muốn.

IV. CÔNG TÁC CỦA CÁC BAN KHKT TỈNH, THÀNH PHỐ

Đề góp phần thực hiện các nhiệm vụ đầy mạnh công tác nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, tăng cường quản lý kỹ thuật và xây dựng tiềm lực KHKT của địa phương, trong năm 1980, các Ban KHKT

(Xem tiếp trang 10)

Lẽ đương nhiên, muốn giải quyết thức ăn cho cá bằng nguồn thức ăn tự nhiên, dựa trên việc vận dụng những mô hình sinh thái có kết quả, thì việc đầu tiên là phải thông suốt quan điểm: tìm cách giải quyết sao, cho phù hợp với quy luật phát triển của sinh vật, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất, sức sản xuất của sinh vật lớn nhất, phù hợp với năng lực và trình độ sản xuất của từng địa phương, từng loại mặt nước.

Thứ hai là phải có tri thức mới phân biệt được những tác nhân chính, tác nhân phụ, mới biết điều hòa khống chế những yếu tố khác nhau sao cho có lợi nhất cho mục tiêu cần đạt được. Ví dụ cũng là công thức «vịt-cá» nhưng cá thả với mật độ bao nhiêu, loại cá gì, cỡ nào; số lượng vịt cần thả và cách quản lý vịt v.v... nếu không, cá sẽ thành mồi cho

vịt, hoặc cá cá và vịt làm hỏng môi trường nước, có hại cho cả đôi bên.

Thứ ba là phải có bộ máy, có con người thực hiện cụ thể. Rất nhiều địa phương có điều kiện tự nhiên để phát triển ngành nuôi thủy sản, nhưng ở đó không làm được vì không có con người cụ thể có trách nhiệm trong việc làm của mình.

Tóm lại, trong điều kiện và hoàn cảnh nước ta hiện nay, giải quyết thức ăn cho nghề nuôi thủy sản bằng con đường sinh học, dựa trên việc xây dựng các mô hình sinh thái học phù hợp với từng địa phương, là con đường thực tế, khoa học, vừa phát huy được đặc điểm khí hậu của nước ta, vừa biết kế thừa và phát triển được kinh nghiệm sẵn có và trình độ tổ chức sản xuất của nhân dân ta.

Nhiệm vụ công tác khoa học kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 4)

tỉnh, thành phố cần làm tốt mấy công tác chính sau đây:

1) Phối hợp, giúp đỡ các ngành, các cấp thực hiện tốt những chương trình, những vấn đề KHKT trọng điểm của kế hoạch KHKT năm 1980, chú trọng những chương trình, những vấn đề cần nhiều ngành, nhiều địa phương tham gia thực hiện.

2) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức tổng kết công tác KHKT 5 năm 1976-1980 và xây dựng tốt kế hoạch KHKT 5 năm 1981-1985 của địa phương.

3) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức tổng kết công tác quản lý chất lượng theo chỉ thị số 272-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở đó, kiến nghị những phương hướng, chủ trương, biện pháp nhằm tăng cường quản lý kỹ thuật, đưa quản lý kỹ thuật đi dần vào nề nếp.

4) Phối hợp với các sở, ty nông nghiệp, công nghiệp và các ủy ban nhân dân huyện, xây dựng thi điểm tổ chức và nề nếp quản lý kỹ thuật ở cơ sở (hợp tác xã nông nghiệp, xí nghiệp công nghiệp quốc doanh) và ở cấp huyện.

5) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức điều tra đánh giá tình hình, tiềm lực KHKT ở địa phương, trên cơ sở đó, nghiên cứu đề nghị chủ trương, kế hoạch xây dựng tiềm lực KHKT của địa phương trong kế hoạch 5 năm 1981-1985, và nếu có thể, kiến nghị một số vấn đề chính sách nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ KHKT hoạt động ở địa phương.

6) Nghiên cứu đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành một số chế độ quản

lý KHKT mà địa phương chưa có để làm cơ sở pháp lý cho tổ chức, quản lý KHKT ở địa phương (như qui định về hệ thống tổ chức quản lý KHKT, chế độ kế hoạch hóa KHKT, chế độ quản lý kỹ thuật, quản lý sáng kiến...).

Trong công tác quản lý của mình, Ban KHKT cần coi trọng: nắm chắc các tiến bộ kỹ thuật đã được xác định; tập hợp tri tuệ của cán bộ KHKT chủ chốt của các cấp, các ngành điều hòa phối hợp hoạt động KHKT của các cấp, các ngành nhằm thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của địa phương; hướng dẫn, giúp đỡ công tác quản lý KHKT của các cấp, các ngành; chỉ đạo điểm xây dựng điển hình để từ đó các cấp, các ngành nhân ra diện.

Ban KHKT, ăn được xây dựng và củng cố về cả 2 mặt: cán bộ và điều kiện, phương tiện làm việc. Đối với những Ban mới thành lập, chú ý xin cán bộ phụ trách để xây dựng bộ khung trước, và xin cán bộ có trình độ đại học trở lên trước, để bồi dưỡng gấp thành những cán bộ nắm vững nghiệp vụ quản lý KHKT có thể hướng dẫn, giúp đỡ công tác quản lý KHKT cho các ngành, các cấp và làm nòng cốt xây dựng dần các phòng, các tổ quản lý của Ban. Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, tư liệu đến đâu, xin thêm cán bộ, nhân viên kiểm định đo lường, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm đến đó; cần bắt tay vào việc xây dựng thư viện khoa học kỹ thuật địa phương ở những nơi có yêu cầu rõ nét, và vào công tác thông tin sao cho thật thiết thực.